

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HS-ST
Ngày 28-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Tư, ông Nguyễn Văn Bảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1993 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị U, sinh năm 1993 và có một con sinh năm 2012.

Tiền án: Bản án số 05/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xử phạt Nguyễn Văn Q 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại bản án 05/2019/HSST ngày 21/2/2019 của Tòa án nhân dân huyện L kể từ ngày 28/7/2019. Ngày 20/3/2020 theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự - Bộ công an đã trích xuất Nguyễn Văn Q về Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Tổng Văn H**, sinh năm 2000 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn N, TT Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông Tổng Văn H sinh năm 1979 và bà Giáp Thị L, sinh năm 1981 (đã chết); Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ, con: chưa có.

Nhân thân:

- Bản án số 47/2018/HS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xử phạt Tổng Văn H 8 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bản án số 80/2019/HS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xử phạt Tổng Văn H 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại bản án 80/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L kể từ ngày bị tạm giữ 8/9/2019. Ngày 20/3/2020 theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự - Bộ công an đã trích xuất Tổng Văn H về Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

(Có mặt tại phiên toà)

* Bị hại:

- Chị H Thị A, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

* Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Quyết T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đội 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Có mặt)

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 387, đường X, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Đào Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 17, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Ông Tạ Văn P, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Tạ Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 424, phố B, TT Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 ngày 24/7/2019, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi xe mô tô Exciter không biển kiểm soát chở sau Tống Văn H, sinh năm 2000, trú tại: thôn N, TT Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ cửa hàng sắm nghệ thuật thuộc Kiot chợ Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang đi lên thành phố B chơi. Q đi theo đường Quốc lộ 1A cũ hướng đi từ V đến thành phố B, khi đi đến khu vực chợ hoa quả thuộc xã T (chợ mía), thành phố B thì nhìn thấy anh Vũ Quyết T, sinh năm 1995, trú tại: đội 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, đang điều khiển xe mô tô BKS 18L1-227.71 chở sau chị H Thị A, sinh năm 1996, trú tại: xóm N, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đi phía trước cùng chiều. Để ý thấy chị A đang đeo một chiếc túi xách màu đen bên vai trái, Q bảo với H có cướp giật chiếc túi xách kia không, H đồng ý. Sau đó, Q đi xe bám theo đến đoạn đường 295B, thuộc địa phận thôn T, xã T, thành phố B, thấy không có người qua lại, Q điều khiển xe tăng ga áp sát vào phía bên trái của chị A. H ngồi phía sau dùng tay phải nắm dây đeo và giật chiếc túi xách của chị A. Q tăng ga chạy vượt lên một đoạn rồi quay đầu xe bỏ chạy theo hướng đi huyện V. Trên đường đi, H ngồi sau tự ý một mình mở chiếc túi vừa cướp giật được lấy được 01 chiếc điện thoại Xiami Note 5 Pro và một tờ tiền 200.000 đồng nhưng bị rơi mất tờ tiền. Q điều khiển xe đi tiếp được khoảng 3km thì rẽ vào một đoạn đường nhỏ (Q không nhớ cụ thể địa điểm) thì dừng xe lại. Q và H mở túi xách ra kiểm tra thì thấy bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, 01 chiếc ví nhỏ bên trong đựng 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 02 thẻ ATM; số tiền 12.000 đồng. Q cất chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và chiếc ví nhỏ vào túi và để lại chiếc túi xách tại đó. Đi được một đoạn thì Q vứt chiếc ví nhỏ cùng toàn bộ giấy tờ ở ven đường đi. Cả hai đi xe mô tô quay lại cửa hàng sắm hình Kiot chợ Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, sau khi cướp giật được Q giữ chiếc điện thoại trên. Sáng ngày 26/7/2019, Q có đưa chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, trú tại: số nhà 387, đường X, phường X, thành phố B nhờ anh T bán hộ. T bán được điện thoại cho anh Đào Văn H, sinh năm 1989, trú tại thôn 17, xã X, huyện G được số tiền 1.800.000 đồng, rồi đưa lại toàn bộ số tiền đó cho Q.

Đối với chiếc điện thoại Xiaomi Note 5 Pro, sau khi cướp giật được thì H giữ chiếc điện thoại trên. Kiểm tra thấy máy có đặt mật khẩu, nên ngày 27/7/2019 H đã vứt điện thoại xuống khu vực gần cầu vượt Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 16/12/2019, bị hại chị H Thị A đã có đơn trình báo Công an thành phố B trình báo sự việc đêm ngày 25/7/2019 chị bị hai nam thanh niên cướp giật túi xách tại khu vực đường 295B, thuộc địa phận thôn T, xã T, thành phố B.

Kết luận định giá tài sản số 200/KL-HĐĐG ngày 10/2/2020, của hội đồng

định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus (bản 128G), màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 6.000.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI NOTE 5 Pro, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 1.200.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐG ngày 6/4/2020, của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 chiếc túi xách bằng da, màu đen, có quai đeo, cũ đã qua sử dụng, có trị giá 150.000 đồng.

Ngày 18/12/2019, Đào Văn H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 phần chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen chứa các linh kiện điện tử còn lại gồm: cục rung, main, cụm Camera, cột sóng, phần mặt lưng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị H Thị A đề nghị bồi thường 02 chiếc điện thoại tương ứng với số tiền 7.200.000 đồng, những tài sản khác cùng giấy tờ chị A không có yêu cầu bồi thường. Đến nay, các bị cáo chưa bồi thường được cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 103/KSĐT ngày 17 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nhất trí liên đới bồi thường số tiền 7.200.000 đồng cho chị H Thị A. Cụ thể, bị cáo Q bồi thường cho chị H Thị A 6.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường cho chị H Thị A 1.200.000 đồng

Bị hại chị H Thị A trình bày: Khoảng 23 giờ 30 ngày 24/7/2019, trên đường đi làm về tại đường Quốc lộ 1A cũ (thuộc khu vực thôn T, xã Tân Mỹ, thành phố B) hướng đi từ V đến thành phố B, chị bị 2 thanh niên mặc quần áo tối màu đi xe mô tô cùng chiều giật 01 chiếc túi xách đang đeo trên vai. Trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI NOTE 5 Pro màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, 01 chiếc ví nhỏ bên trong đựng 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 02 thẻ ATM và một ít tiền mặt nhưng cụ thể bao nhiêu thì chị không nhớ. Ngoài ra chị không bị mất tài sản gì khác, không bị thương tích gì. Chị yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại tương ứng với số tiền 7.200.000 đồng. Về mức hình phạt đối với các bị cáo: chị đề nghị Hội đồng xét xử xử nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quyết T trình bày: Anh là chồng chị H Thị A. Đêm ngày 24/7/2019, anh là người lái xe mô tô chở chị A từ chỗ làm về nhà. Khi đi đến đường Quốc lộ 1A cũ (thuộc khu vực thôn T, xã T, thành phố B) hướng đi từ V đến thành phố B thì chị A bị 2 thanh niên mặc quần áo tối màu đi xe mô tô cùng chiều giật 01 chiếc túi xách đang đeo trên vai. Anh không bị mất tài sản gì, không bị thương tích gì nên không có đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Tống Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 04 năm 02 tháng tù đến 04 năm 05 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Bản án số 05/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 06 năm 02 tháng tù đến 06 năm 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Văn H từ 03 năm 09 tháng tù đến 04 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 80/2019/HS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 04 năm 09 tháng tù đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2019

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo H thuộc hộ nghèo nên cần miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phần chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen chứa các linh kiện điện tử còn lại gồm: cục rung, main, cụm Camera, cột sóng, phần mặt lưng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q và Tống Văn H bồi thường số tiền 7.200.000 đồng cho chị H Thị A (Trong đó, bị cáo Q bồi thường cho chị H Thị A 6.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường cho chị H Thị A 1.200.000 đồng).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Tống Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 0 giờ 20 phút ngày 25/7/2019, tại đường tỉnh lộ 295B, thuộc địa phận thôn T xã T, thành phố B, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi xe mô tô Exciter không biển kiểm soát chở sau Tống Văn H, sinh năm 2000, trú tại: thôn N, TT Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang cướp giật của chị H Thị A, sinh năm 1996, trú tại: xóm N, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, 01 chiếc túi xách, tổng trị giá tài sản là 7.562.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm Q sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an xã hội và hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã cướp giật tài sản của người khác. Do đó, cần xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo giáo dục các bị cáo.

[3.2] Các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có kế hoạch sẽ cướp giật tài sản của ai, ở đâu, tiêu thụ thế nào nên đây là đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo Q là người khởi xướng, trực tiếp lái xe mô tô để bị cáo H thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên có vai trò cao hơn so với bị cáo H. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Q có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Các bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ các bị cáo là đối tượng coi thường pháp

luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù giam mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo H thuộc hộ nghèo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 phần chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen chứa các linh kiện điện tử còn lại gồm: cục rung, main, cụm Camera, cột sóng, phần mặt lưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

[8] Đối với Nguyễn Văn T là người bán giúp Q chiếc điện thoại do Q cướp giật được và Đào Văn H là người mua chiếc điện thoại trên, quá trình điều tra xác định được, T và H đều không biết chiếc điện thoại trên là tài sản do Q cướp giật được nên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định pháp luật.

[8] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, Q dùng đi cướp giật tài sản ngày 25/7/2019: Quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên mang BKS 98F1-230.79, đăng ký mang tên Nguyễn Văn Q. Thời điểm Q sử dụng xe máy Exciter thực hiện hành vi cướp giật nêu trên, chiếc xe đang được thế chấp tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng để vay số tiền 36.244.000đ theo Hợp đồng thế chấp số 20190521-19114283 ngày 21/5/2019.

Ngày 28/7/2019, bị cáo đi chấp hành hình phạt tù theo Bản án 05/2019/HSST ngày 21/2/2019 của Tòa án nhân dân huyện L tại Trại giam Ngọc Lý. Bị cáo là ông Nguyễn Xuân M đã bán chiếc xe mô tô Yamaha Exciter trên cho ông Nguyễn Văn L với giá 36.000.000 đồng để trả nợ cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng thay bị cáo Q. Ông L đã bán xe cho ông Tạ Văn P và anh Tạ Văn T. Sau này anh Tạ Văn T có bán lại chiếc xe mô tô trên cho một người không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa có kết quả, sau này nếu thu hồi được thì sẽ xử lý sau.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 7.200.000 đồng cho chị H Thị A, cụ thể bị cáo Q bồi thường cho chị A 6.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường cho chị A 1.200.000 đồng.

[10] Về án phí: Bị cáo H thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Tống Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 04 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Bản án số 05/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 6 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tống Văn H 04 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 80/2019/HS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2019

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phần chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen chứa các linh kiện điện tử còn lại gồm: cục rung, main, cụm Camera, cột sóng, phần mặt lưng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q và Tống Văn H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 7.200.000 đồng cho chị H Thị A, cụ thể bị cáo Q bồi thường cho chị A 6.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường cho chị A 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tống Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo